

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-9-2023
V/v: Xin ly hôn T – C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thuý và ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nhật Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 149/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58A/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Bùi Văn T**, sinh năm 1936; Địa chỉ: Thôn NT, xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1965; ĐKKH: Thôn NT, xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình; Hiện đang ở: Thôn B, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà C vắng mặt lần hai không rõ lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/7/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bùi Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/11/2018. Khi kết hôn hai ông bà đều đã trải qua một cuộc hôn nhân khác và lấy làm hai, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau và mâu thuẫn về việc quản lý kinh tế nên đã xảy ra việc đánh cãi chửi nhau giữa hai ông bà, mâu thuẫn đã được đại diện cơ sở thôn và Công an xã N hòa giải nhưng không thành, ông bà đã sống ly

thân từ tháng 7/2023 đến nay, bà C đã về xã D sinh sống còn ông T vẫn ở xã N. Nay ông thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy giải quyết cho ông được ly hôn bà C.

Về con chung: Trong cuộc hôn nhân với bà C, ông bà không có con chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông bà không có nợ chung, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Vì lý do sức khỏe nên ông xin vắng mặt tại phiên tòa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị C nhiều lần, tuy nhiên bà C không đến Tòa án làm việc. Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy đã tiến hành tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng cho bà C và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2023, Ủy ban nhân dân xã N, huyện Thái Thụy cùng đại diện cơ sở thôn cung cấp thông tin như sau:

Ông Bùi Văn T, sinh ngày 01/01/1936, có căn cước công dân số 034036000xxx và bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 16/6/1965 có số căn cước công dân là 034165021xxx đều là công dân có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn NT, xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Ông T và bà C tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại xã N vào ngày 01/11/2018 (vào sổ đăng ký kết hôn số 41). Khi đăng ký kết hôn, ông T và bà C đều là tuổi già, đã trải qua một cuộc hôn nhân và đến với nhau làm hai. Ông T và bà C sinh sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, có việc vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau, đại diện cơ sở thôn cũng như Công an xã N đã phải hoà giải nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Theo địa phương nắm được thông tin thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau, mâu thuẫn về việc quản lý kinh tế, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên hiện nay cả hai đã sống ly thân, bà C đã về nhà đẻ ở xã D sinh sống. Nay ông T xin ly hôn bà C, đề nghị Tòa án hòa giải để các đương sự đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng, các đương sự cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Do cả hai ông bà đều bước vào cuộc hôn nhân thứ hai nên trước đó hai người đều có con riêng, theo quản lý khai sinh ở xã ông T và bà C không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung giữa ông T và bà C địa phương không nắm được. Hiện không có tổ chức, cá nhân nào phản ánh với địa phương về việc vay nợ với ông T và bà C.

Tại biên bản xác minh ngày 25/8/2023, Ủy ban nhân dân xã D, huyện T1 cùng

đại diện cơ sở thôn cung cấp thông tin như sau:

Bà Nguyễn Thị C, sinh ngày 16/6/1965 có cố căn cước công dân là 034165021xxx hiện sinh sống tại thôn B, xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình. Bà C lấy chồng lần 2 tại xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình sau khi xảy ra mâu thuẫn với ông T mới chuyển về đây sinh sống. Theo địa phương nắm được thông tin thì nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau, ngoài ra còn mâu thuẫn nào khác hay không thì địa phương không nắm được tuy nhiên hiện nay cả hai đã sống ly thân, bà C đã về ở xã D sinh sống. Nay ông T xin ly hôn bà C, đề nghị Tòa án hòa giải để các đương sự đoàn tụ, trường hợp mâu thuẫn đã trầm trọng, các đương sự cương quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ông T được ly hôn bà C; Về quan hệ con chung và quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Ông T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đang sinh sống tại xã D, huyện T1, tỉnh Thái Bình vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà C kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T1, tỉnh Thái Bình và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41 ngày 01/11/2018. Tại thời điểm kết hôn, ông bà đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Đây là cuộc hôn nhân thứ hai của mỗi người và ông bà đã chung sống hòa thuận đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không cùng tiếng nói, suy nghĩ với nhau và mâu thuẫn về việc quản lý kinh tế nên đã xảy ra việc đánh cãi chửi nhau giữa hai ông bà, mâu thuẫn đã được đại diện cơ sở thôn và Công an xã N hòa giải nhưng không thành, và hiện nay ông bà đã ly thân, không hỏi han, quan tâm đến nhau cũng không thể hàn gắn được quan hệ hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T cương quyết đề nghị Tòa án cho ly hôn vì ông cho rằng ông không còn tình cảm với bà C, không có nguyện vọng đề nghị Tòa án hòa giải đoàn

tự để hai vợ chồng quay lại với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật cho bà C, bà C đã biết được việc ông T xin ly hôn bà nhưng bà không đưa ra quan điểm, nguyện vọng giải quyết hàn gắn quan hệ hôn nhân với ông T, từ chối nhận các văn bản của Tòa án, không đến Tòa án làm việc để trình bày quan điểm cũng như tìm các biện pháp để hòa giải vợ chồng thể hiện việc bà C không tha thiết với việc hàn gắn tình cảm gia đình. Qua xác minh tại địa phương nơi ông T và bà C cùng sinh sống trước khi ly thân xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa hai bên là có thật, có tình trạng vợ chồng đánh cãi nhau và ly thân nhau. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà C là có thật và thực sự có mâu thuẫn không thể giải quyết, hai bên không có sự sẻ chia, quan tâm đến nhau khiến cho đời sống hôn nhân của ông bà không có tiền triển và đã ở mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T để vợ chồng đoàn tụ cũng không thành và sẽ làm cho mâu thuẫn thêm trầm trọng, ông T cương quyết xin ly hôn, cần xử cho ông T được ly hôn bà C là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Trong cuộc hôn nhân này ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ con chung.

[5] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà C không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Ông T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông T là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí nên căn cứ vào Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm cho ông Tăng.

[7] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà C có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Bùi Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị C.

2. Về con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Bùi Văn T được miễn 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T và bà C vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- UBND xã N;
- Lưu HCTP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Xuân Quỳnh